

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 02 năm 2017

Số: 10 /BC-ĐHHD

BÁO CÁO

Kết quả điều tra tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên hệ chính qui tốt nghiệp ra trường năm 2015

Thực hiện kế hoạch số 188 /KH-ĐHHD ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức về việc khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nhà trường báo cáo kết quả cụ thể như sau:

1. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1.1. Thuận lợi

- Việc khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên tốt nghiệp năm 2015 luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Ban Giám hiệu nhà trường, sự phối hợp hiệu quả của các đơn vị, đoàn thể liên quan.

- Công tác khảo sát khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp được thực hiện theo đúng quy trình, thời gian đã ban hành.

- Các khoa đào tạo giữ được mối liên hệ tốt với sinh viên tốt nghiệp năm 2015 nên thông tin thu được trong quá trình khảo sát là tin cậy và đầy đủ.

1.2. Khó khăn

- Sinh viên tốt nghiệp được phân bố khắp các địa phương trên toàn quốc, địa chỉ liên hệ lưu trong hồ sơ sinh viên chủ yếu là địa chỉ gia đình, trong khi đó nhiều sinh viên tốt nghiệp đã đi làm xa gia đình.

- Sau khi ra trường nhiều sinh viên đã thay đổi số điện thoại liên lạc cá nhân, địa chỉ email...; một số cựu sinh viên chưa thực sự quan tâm đến hoạt động này nên việc gửi thông tin phản hồi có phần còn hạn chế.

2. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1.1. Công tác triển khai

- Thành lập Ban khảo sát tình hình việc làm, thu nhập của sinh viên chính qui tốt nghiệp năm 2015 (theo QĐ số 2533/QĐ-ĐHHD, ngày 10 tháng 10 năm 2016) gồm: 27 thành viên.

- Ngày 14 tháng 10 năm 2016 đã tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch số 188 /KH-ĐHHD ngày 17 tháng 10 năm 2016; góp ý bổ sung, điều chỉnh Phiếu khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên, gồm:

+ Thông tin chung về tên, lớp, ngành học, bậc học, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của sinh viên chính quy đã tốt nghiệp năm 2015.

+ Tình hình việc làm hiện nay.

+ Mức thu nhập từ công việc đang làm.

+ Sinh viên tự đánh giá khả năng đáp ứng với yêu cầu công việc.

+ Mức độ phù hợp của chương trình đào tạo với yêu cầu công việc hiện nay.

+ Những phản hồi của sinh viên về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và kiến thức, kỹ năng, năng lực cần được bổ sung trong quá trình đào tạo.

- Từ ngày 15/10 đến ngày 25/10/2016, cán bộ Phòng Công tác HSSV đã phối hợp với trợ lý công tác HSSV các khoa lập danh sách địa chỉ liên lạc của sinh viên để phục vụ cho công tác khảo sát.

- Từ ngày 25/10/2016 đến ngày 15/01/2017, Trợ lý công tác HSSV các khoa đã tiến hành khảo sát, thống kê tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên thông qua việc gửi phiếu khảo sát, qua điện thoại, E-mail hoặc Facebook.

1.2. Kết quả thu được từ khảo sát

1.2.1. Tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp

- Tổng số SV đại học và cao đẳng hệ chính quy tốt nghiệp năm 2015 là 1.760 sinh viên, gồm:

+ Đợt 1: 195 sinh viên (QĐ số 468/QĐ-ĐHHĐ, ngày 30/03/2015)

+ Đợt 2: 1044 sinh viên (QĐ số 1083/QĐ-ĐHHĐ, ngày 26/06/2015)

+ Đợt 3: 411 sinh viên (QĐ số 1592/QĐ-ĐHHĐ, ngày 02/10/2015)

+ Đợt 4: 110 sinh viên (QĐ số 83B/QĐ-ĐHHĐ, ngày 19/01/2016)

Trong đó có 94 sinh viên Lào và SV ngành 2, VB2, liên thông.

- Tổng số sinh viên khảo sát là 1666 sinh viên (ĐH: 1.255 SV, CĐ: 411 SV)

+ Số phiếu gửi đi: 1666 phiếu

+ Số phiếu thu về: 1.179 phiếu, đạt 70.77%.

- Tình hình việc làm của sinh viên:

Bảng 1. Thống kê việc làm theo trình độ đào tạo

Kết quả Trình độ	Số phiếu gửi đi	Số phiếu thu về		Số SV đã có việc làm		Số SV học thêm sau tốt nghiệp		Số SV chưa có việc làm	
		SL	%	SL	(%)	SL	%	SL	%
Đại học	1255	892	71.07	725	81.28	1	0.11	166	18.61
Cao đẳng	411	287	69.83	215	74.92	24	8.36	48	11.68
Tổng cộng	1.666	1179	70.77	940	79.73	25	2.12	214	18.15

Bảng 2. Thống kê tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp

Kết quả Trình độ	Sinh viên đã có việc làm sau tốt nghiệp					Ghi chú
	Tổng Số	Có việc làm đúng ngành đào tạo		Có việc làm không đúng ngành đào tạo		
		SL	%	SL	%	
Đại học	725	535	73.79	190	26.20	
Cao đẳng	215	182	84.65	33	15.34	
Tổng cộng	940	717	76.27	223	23.73	

Bảng 3. Thống kê tình hình thu nhập của sinh viên/tháng

Mức độ Kết quả	Số lượng	Dưới 2 triệu	Từ 2 đến 3 triệu	Từ 3 đến 4 triệu	Từ 4 đến 5 triệu	Trên 5 triệu
Số lượng	940	48	261	258	188	185
Tỉ lệ (%)	79.73	5.10	27.77	27.45	20.00	19.68

Bảng 4 : Thống kê khu vực việc làm của sinh viên tốt nghiệp

Trình độ	Tổng số SV	Khu vực việc làm								Ghi chú
		Khu vực nhà nước		Khu vực tư nhân		Liên doanh với nước ngoài		Tự tạo việc làm		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Đại học	725	301	41.52	288	39.72	85	11.73	51	7.03	
Cao đẳng	215	91	42.33	79	36.74	18	8.37	27	12.56	
Tổng cộng	940	392	41.70	367	39.04	103	10.96	78	8.30	

Bảng 5. Tình hình việc làm theo khoa và ngành đào tạo

Khoa	Ngành	Số SV tốt nghiệp	Số phiếu gửi đi	Số phiếu thu về		Tình hình việc làm của sinh viên						Chưa có việc làm		Học thêm sau TN	
						Đúng Ngành		Không đúng ngành		Tổng cộng					
						SL	%	SL	%	SL	%				
Khoa học Tự nhiên	K14 ĐHSP Toán	51	51	48	94.12	13	27.08	25	52.08	38	79.17	10	20.83	0	0.00
	K14 ĐHSP Vật lý	11	11	11	100.00	4	36.36	4	36.36	8	72.73	3	27.27	0	0.00
	K14 ĐHSP Sinh học	37	37	37	100.00	11	29.73	22	59.46	33	89.19	4	10.81	0	0.00
	K34 CĐSP Toán học	20	20	20	100.00	9	45.00	8	40	17	85	3	15.00	0	0.00
	K34 CĐSP Hoá Sinh	14	14	13	92.86	4	30.77	8	61.54	12	92.31	1	7.69	0	0.00
	Cộng khoa	133	133	129	96.99	41	31.78	67	51.93	108	82.72	21	16.28	0	0.00
Khoa học Xã hội	K14 ĐH Văn học	20	20	14	70.00	2	14.29	7	50	9	64.29	5	35.71	0	0.00
	K14 ĐH Địa lý học	64	64	17	26.56	4	23.53	13	76.47	17	100.00	0	0.00	0	0.00
	K14 ĐHSP Ngữ văn	71	71	23	32.39	8	34.78	15	65.22	23	100.00	0	0.00	0	0.00
	K14 ĐH Lịch sử	27	27	7	25.93	4	57.14	3	42.86	7	100.00	0	0.00	0	0.00
	K14 ĐH Việt nam học	30	30	19	63.33	10	52.63	8	42.11	18	94.74	1	5.26	0	0.00
	K14 ĐHSP Địa lý	29	29	16	55.17	1	6.25	9	56.25	10	62.50	6	37.50	0	0.00
	K14 ĐH Xã hội học	56	56	33	58.93	8	24.24	22	66.67	30	90.91	3	9.09	0	0.00
	K34 CĐSP ngữ văn	28	28	28	100.00	7	25.00	10	35.71	17	60.71	7	25.00	4	14.29
	Cộng khoa	325	325	157	48.31	44	28.03	87	55.41	131	83.44	22	14.01	4	2.55
GD Tiểu học	K14 ĐHGD Tiểu học	85	85	81	95.29	51	62.96	4	4.94	55	67.90	26	32.10	0	0.00
	K34 CĐGD Tiểu học	33	33	30	90.91	24	80.00	0	0.00	24	80.00	6	20.00	0	0.00
	Cộng khoa	118	118	111	94.07	75	67.75	4	3.60	79	71.17	32	28.83	0	0.00
TLGD	K14 ĐH Tâm lý học	39	39	32	82.05	13	40.63	11	34.38	24	75.00	8	25.00	0	0.00
CNTT-TT	K14 ĐH CNTT	26	26	21	80.77	17	80.95	1	4.762	18	85.71	3	14.29	0	0.00
	K34 CĐ CNTT	9	9	8	88.89	4	50	1	12.5	5	62.5	3	37.5	0	0.00
	Cộng khoa	35	35	29	82.86	21	72.41	2	6.90	23	79.31	6	20.69	0	0.00
KTCN	K14 ĐH Kỹ thuật CT	36	36	25	69.44	18	72.00	3	12.00	21	84.00	4	16.00	0	0.00
	K34 CĐ KTĐ-ĐT	9	9	4	44.44	4	100.00	0	0.00	4	100.00	0	0.00	0	0.00

Khoa	Ngành	Số SV tốt nghiệp	Số phiếu gửi đi	Số phiếu thu về		Tình hình việc làm của sinh viên						Chưa có việc làm		Học thêm sau TN	
						Đúng Ngành		Không đúng ngành		Tổng cộng					
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	Cộng khoa	45	45	29	64.44	22	75.86	3	10.34	25	86.21	4	13,79	0	0.00
Ngoại ngữ	K14 ĐHSP Tiếng Anh	35	35	25	71.43	21	84.00	0	0.00	21	84.00	4	16.00	0	0.00
	K34 CĐSP Tiếng Anh	22	22	18	81.82	13	72.22	0	0.00	13	72.22	2	11.11	3	16.67
	Cộng khoa	57	57	43	75.44	34	79.07	0	0.00	34	79.07	6	13.95	3	6.98
Nông Lâm Ngư nghiệp	K14 ĐH Chăn nuôi	15	15	15	100.00	14	93.33	1	6.67	15	100.00	0	0.00	0	0.00
	K14 ĐH Nông học	23	23	18	78.26	8	44.44	0	0.00	8	44.44	10	55.56	0	0.00
	K14 ĐH BVTV	9	9	9	100.00	1	11.11	0	0.00	1	11.11	8	88.89	0	0.00
	K34 CĐ QL đất đai	12	12	11	91.67	1	9.091	5	45.45	6	54.55	5	45.45	0	0.00
	Cộng khoa	59	59	53	89.83	24	45.28	6	11.32	30	56.60	23	43.40	0	0.00
GD Mầm non	K14 ĐHGD Mầm non	150	150	146	97.33	130	89.04	4	2.74	134	91.78	12	8.22	0	0.00
	K34 CĐGD Mầm non	46	46	39	84.78	39	100.00	0	0.00	39	100.00	0	0.00	0	0.00
	Cộng khoa	196	196	185	94.39	169	91.35	4	2.16	173	93.51	12	6.49	0	0.00
Kinh tế- QTKD	K14 ĐH Kế toán	186	186	129	69.35	101	78.29	0	0.00	101	78.29	28	21.71	0	0.00
	K14 ĐH QTKD	106	106	64	60.38	53	82.81	0	0.00	53	82.81	10	15.63	1	1.56
	K14 ĐH TC - NH	149	149	102	68.46	43	42.16	38	37.25	81	79.41	21	20.59	0	0.00
	K34 CĐ Kế toán K34	176	176	103	58.52	73	70.87	0	0.00	73	70.87	17	16.5	13	12.62
	K34 CĐ Quản trị KD	42	42	13	30.95	4	30.77	1	7.69	5	38.46	4	30.77	4	30.77
	Cộng khoa	659	659	411	62.37	274	66.67	39	9.49	313	76.16	80	19.46	18	4.38
Tổng cộng toàn trường		1666	1666	1179	70.77	717	60.81	223	18.91	940	79.73	214	18.15	25	2.12

1.2.2 Một số ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp

- Về nội dung chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo nhìn chung đáp ứng được yêu cầu của sinh viên về việc chủ động lựa chọn học phần, thiết kế lộ trình học tập, xây dựng phương pháp học tập hiệu quả, phát triển năng lực của sinh viên. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều SV cho rằng: chương trình đào tạo phân bổ thời gian lý thuyết và thực hành còn chưa thật sự phù hợp, nội dung thực hành còn chưa phù hợp với thực tiễn công việc, công nghệ chưa hiện đại, chưa đáp ứng được chuẩn đầu ra

- Về cơ hội việc làm: Nhà trường cần tăng cường hơn nữa các hoạt động hướng nghiệp cho sinh viên; tổ chức các hội nghị tuyển dụng hay hội chợ việc làm; đưa doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động đến gặp gỡ với sinh viên và ngược lại... nhằm giúp SV có nhiều cơ hội tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Về cơ sở vật chất: Nhà trường cần tăng cường hơn nữa việc sử dụng các thiết bị, công nghệ mới trong thực hành nghề.

- Về hoạt động ngoại khóa: Nhà trường cần tăng cường các hoạt động ngoại khóa hoặc các khóa đào tạo về kỹ năng mềm, như: Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; Kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập; Kỹ năng lập kế hoạch cho công việc.

Về trình độ tin học, ngoại ngữ: Nhà trường cần có biện pháp cải tiến việc kiểm tra, đánh giá đầu ra trình độ tin học, tiếng anh; nhằm giúp SV nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ sau khi tốt nghiệp.

- Đối với khối ngành Giáo dục cần tăng cường đào tạo cách thiết kế trang trí lớp học, viết bảng và ứng xử sư phạm.

Đánh giá chung:

Công tác khảo sát sinh viên tốt nghiệp năm 2015 cơ bản theo kế hoạch đề ra, kết quả khảo sát hoàn toàn khách quan, số liệu thu được tin cậy; tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp là khá cao (79.73%), trong đó tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo là 76.27%; sinh viên tốt nghiệp có việc làm nhìn chung đáp ứng được với yêu cầu của công việc. /vv

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Các đơn vị, đoàn thể cấp trường;
- Lưu: VT, P.CTHSSV ✓



Lê Văn Trường